

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ APAX HOLDINGS

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/09/2017

Hà Nội, tháng 10 năm 2017

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	2 - 3
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	4
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	5
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	6 - 26

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Apax Holdings (IBC) (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/09/2017.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Ngọc Thùy	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Nguyễn Mạnh Phú	Thành viên Hội đồng Quản trị (từ nhiệm ngày 27/09/2017)
Ông Nguyễn Ngọc Khánh	Thành viên Hội đồng Quản trị
Bà Nguyễn Thị Dung	Thành viên Hội đồng Quản trị (từ nhiệm ngày 27/09/2017)
Ông Trần Thanh Hải	Thành viên Hội đồng Quản trị (từ nhiệm ngày 30/05/2017)
Bà Vũ Cẩm La Hương	Thành viên Hội đồng Quản trị
Ông Nguyễn Trọng Quỳnh	Thành viên Hội đồng Quản trị
Ông Quách Mạnh Hào	Thành viên Hội đồng Quản trị (bổ nhiệm ngày 30/05/2017)
Ông Nguyễn Minh Chính	Thành viên Hội đồng Quản trị (bổ nhiệm ngày 27/09/2017)

Ban Tổng Giám đốc

Bà Vũ Cẩm La Hương	Tổng Giám đốc
Ông Trần Thanh Hải	Phó Tổng giám đốc (từ nhiệm ngày 19/09/2017)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Vũ Cẩm La Hương
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 07 tháng 11 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
 Tại ngày 30 tháng 09 năm 2017

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30.09.2017	01.01.2017
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		615.085.559.796	42.692.196.242
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		172.932.703.783	2.225.444.575
1. Tiền	111	4	172.932.703.783	2.225.444.575
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		408.204.072.174	40.466.751.667
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	25.979.322.900	-
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6	73.681.204.090	40.000.000.000
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	7	169.211.203.190	-
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	139.332.341.994	466.751.667
IV. Hàng tồn kho	140		13.617.988.662	
1. Hàng tồn kho	141	9	13.617.988.662	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		20.330.795.177	
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	20.274.483.338	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		53.311.839	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		3.000.000	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.175.859.521.916	284.886.927.645
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		17.800.067.325	
1. Phải thu dài hạn khác	216	8	17.800.067.325	-
II. Tài sản cố định	220		325.715.656.435	
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	273.172.196.678	-
- Nguyên giá	222		283.164.946.362	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(9.992.749.684)	-
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	52.543.459.757	-
- Nguyên giá	228		60.358.273.812	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(7.814.814.055)	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		9.803.520.521	
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	13	9.803.520.521	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	14	179.361.530.000	284.853.700.000
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		178.850.000.000	284.000.000.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		599.100.000	853.700.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(87.570.000)	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		643.178.747.635	33.227.645
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	87.197.348.859	33.227.645
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		727.906.503	-
3. Lợi thế thương mại	269	15	555.253.492.273	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.790.945.081.712	327.579.123.887

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30.09.2017	01.01.2017
NGUỒN VỐN				
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		649.474.443.676	3.002.518.673
I. Nợ ngắn hạn	310		535.095.000.936	3.002.518.673
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	46.751.289.995	3.000.000
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		55.523.554.904	50.000.000
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313	17	52.202.793.732	2.785.479.887
4. Phải trả người lao động	314		31.637.953.772	-
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	18.945.145.281	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	19	206.162.773.426	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319		4.217.192.004	164.038.786
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	20	119.654.297.822	-
II. Nợ dài hạn	330		114.379.442.740	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333	18	83.193.253.931	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	19	30.799.959.291	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	20	386.229.518	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	21	1.141.470.638.036	324.576.605.214
I. Vốn chủ sở hữu	410		1.141.470.638.036	324.576.605.214
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		688.800.000.000	313.010.600.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		90.074.070.000	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		180.163.717.242	11.566.005.214
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		11.566.005.214	(298.875.129)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		168.597.712.028	11.864.880.343
13. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429		182.432.850.794	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.790.945.081.712	327.579.123.887



Vũ Cẩm La Hương
 Tổng Giám đốc
 Hà Nội, ngày 07 tháng 11 năm 2017

Nguyễn Mạnh Phú
 Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hải
 Người lập

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/09/2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 3/2017	Quý 3/2016	Từ 1/1/2017 đến 30/09/2017	Từ 1/1/2016 đến 30/09/2016
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		244.271.309.706	-	328.248.315.632	11.598.970.340
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		4.052.943.500	-	4.487.443.500	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	22	240.218.366.206	-	323.760.872.132	11.598.970.340
4. Giá vốn hàng bán	11	23	104.044.725.514	-	120.875.023.891	11.525.270.440
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		136.173.640.692	-	202.885.848.241	73.699.900
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	3.450.378.771	-	111.548.822.234	1.393.489.882
7. Chi phí tài chính	22	25	1.737.454.013	-	2.293.484.068	228.194.338
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.616.304.066	-	1.880.017.509	-
8. Lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-	-	-
9. Chi phí bán hàng	25	26	56.115.211.366	-	70.355.180.278	-
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26	30.721.938.455	185.474.132	37.544.570.873	912.971.470
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)}	30		51.049.415.629	(185.474.132)	204.241.435.256	326.023.974
12. Thu nhập khác	31		387.295.792	20.031.467	426.307.323	20.031.467
13. Chi phí khác	32		682.791.331	3.957.700	682.907.732	3.957.709
14. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(295.495.539)	16.073.767	(256.600.409)	16.073.758
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		50.753.920.090	(169.400.365)	203.984.834.847	342.097.732
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	27	13.301.835.501	-	25.125.830.391	42.524.595
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(364.618.832)	-	(364.618.832)	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		37.816.703.421	(169.400.365)	179.223.623.288	299.573.137
18.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	61		31.539.707.944	(169.400.365)	168.597.712.028	299.573.137
18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		6.276.995.477	-	10.625.911.260	-
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	28	483	(27)	3.696	48
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		-	-	-	-



Vũ Cẩm La Hương
 Tổng Giám đốc
 Hà Nội, ngày 07 tháng 11 năm 2017

Nguyễn Mạnh Phú
 Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hải
 Người lập

